

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/11/2018
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình ly hôn, nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Huỳnh Quang Thắng;

2. Bà Võ Thị Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 30/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 335/2018/TLST - HN ngày 01 tháng 10 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2018/QĐXXST - HN ngày 24 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 88/2018/QĐHPT ngày 14 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Kim H, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Số nhà 9/4, khóm Châu Quới 3, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 43, tổ 04, khóm Vĩnh C, phường Vĩnh Ng, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1962;

Nơi cư trú: Số nhà 9/4, khóm Châu Q, phường Châu P, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Người làm chứng: Em Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm: 1994.

Nơi cư trú: Số nhà 9/4, khóm Châu Q, phường Châu P, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Chị Đinh Thị Kim H và em Nguyễn Thị Tuyết N có mặt.

Anh Nguyễn Trung T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2018 và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị Kim H trình bày:

Chị (Đinh Thị Kim H) và anh Nguyễn Trung T tự tìm hiểu yêu thương nhau và đi đến hôn nhân vào năm 1992, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu P, thị xã Châu Đốc (nay thành phố Châu Đốc), tỉnh An Giang ngày 10/7/2003; số 170; quyển số 01.

Trong thời gian sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc, thời gian sau khoảng 03 năm nay thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về kinh tế và tình cảm, đã có hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không được, chị và anh T không còn sống chung với nhau. Nay chị có yêu cầu ly hôn anh T.

Về con chung:

Trong thời gian chung sống, vợ chồng sinh được 02 (hai) con chung tên:

Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 17/9/1994 (Đã trưởng thành);

Nguyễn Thành P, sinh ngày 17/6/2003, hiện do chị (H) đang nuôi dạy.

Về tài sản chung - nợ chung: Chị H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay tình cảm vợ chồng không còn chị H có yêu cầu ly hôn anh T và xin nuôi dạy con chung tên Nguyễn Thành P, sinh ngày 17/6/2003, không yêu cầu anh Thành cấp dưỡng nuôi con chung.

Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Trung T nhưng anh T không cung cấp ý kiến và không đến Tòa án tham gia tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Qua xác minh:

Bà Nguyễn Thị Thanh X – Phó Ban khóm Châu Q, phường Châu P, thành phố Châu Đốc cung cấp: Anh Nguyễn Trung T và chị Đinh Thị Kim H chung sống với nhau tại tổ 19, khóm Châu Q, phường Châu P, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, anh T và chị H chung sống và sanh 02 con chung tên: Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 17/9/1994 (Đã trưởng thành) và Nguyễn Thành P, sinh ngày 17/6/2003, hiện do chị (H) đang nuôi dạy. Về tình cảm vợ chồng không còn sống chung với nhau, chị H thuê nhà ở khóm Vĩnh C, phường Vĩnh Ng, thành phố Châu Đốc từ tháng 10/2017 cho đến nay.

Công an nhân dân phường Châu P, thành phố Châu Đốc cung cấp: Anh Nguyễn Trung T có cư trú tại tổ 19, khóm Châu Q, phường Châu P, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang nhưng không có đăng ký hộ khẩu thường trú.

Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc tổng đạt các văn bản tố tụng qua người thân là Nguyễn Thị Tuyết N ký nhận qua trung gian các văn bản tố tụng của Tòa án: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo V/v thu thập tài liệu, chứng cứ cùng ngày 01/10/2018;

Anh Nguyễn Trung T ký nhận: Thông báo thụ lý vụ án số 335/TB- TA ngày 01/10/2018; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 799/TB - TA ngày 16/10/2018; Thông báo V/v thu thập tài liệu, chứng cứ cùng ngày 01/10/2018; Thông báo V/v thay đổi thời gian Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 16/10/2018.

Nguyễn Thị Tuyết N ký nhận: Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa,

Chị H vẫn giữ nguyên ý kiến ban đầu; về tài sản chung: vợ chồng chị có tạo lập 01 căn nhà, chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị H có đơn yêu cầu không công khai bản án trên cổng thông tin điện tử.

Tuyết N trình bày, em đã đưa tận tay cho ông T (cha của Tuyết N) các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng cha (T) trả lời Tòa án xử sao thì cứ xử.

Hội đồng xét xử công bố:

Kết quả xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc do Ban khóm Châu Q, phường Châu P, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang cung cấp.

Kết quả xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc do Công an phường Châu P, thành phố Châu Đốc cung cấp.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Đối với nguyên đơn: Chị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Đối với bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, anh T không có gửi bản ý kiến cho Tòa án và không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, anh T đã không thực hiện đầy

đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Chị Đinh Thị Kim H và anh Nguyễn Trung T tự tìm hiểu đi đến hôn nhân năm 1992, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang ngày 07/9/2005, xem đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hiện nay không còn sống chung với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị H có yêu cầu ly hôn anh T, Cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn, không còn sống chung. Do tình cảm không còn chị H xin ly hôn với anh Nguyễn Trung T. Xét, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

Về con chung: Chị H và anh T sống chung sanh 02 con chung tên: Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 17/9/1994 (Đã trưởng thành) và Nguyễn Thành P, sinh ngày 17/6/2003, cháu Phát hiện do chị H nuôi dạy. Cuộc sống cháu ổn định. Do đó, việc chị H yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng con chung là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Chị H không có yêu cầu anh T cấp dưỡng để chị H nuôi con chung, nên chấp nhận.

Về tài sản chung - nợ chung:

Tại phiên tòa, chị H khai vợ chồng tạo lập 01 căn nhà, nhưng chị không tranh chấp và không cầu giải quyết, anh T không có ý kiến việc tranh chấp tài sản chung, nên không đề cập xem xét.

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

Chị Đinh Thị Kim H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trung T. Đồng thời, anh Thành cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[Về vắng mặt của đương sự]

Anh Nguyễn Trung T được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 199 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

Về nội dung:

[Về quan hệ hôn nhân]

Năm 1992, chị H và anh T đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu P, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang ngày 10/7/2003, công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Chứng cứ chị H đưa ra để yêu cầu ly hôn anh T là cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn về kinh tế gia đình và nay anh chị không còn sống chung với nhau hơn một năm nay. Tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn, chị H xin ly hôn anh Thành.

Khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ, chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”; Xét thấy, chị H và anh T không còn sống chung thời gian dài là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ.

[Về con chung]:

Chị H khai chị và anh T sống chung sanh được 02 con chung tên: Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 17/9/1994 (Đã trưởng thành) và Nguyễn Thành P, sinh ngày 17/6/2003, cháu Thành P hiện do chị H đang nuôi dạy.

Qua xác minh và được bà Nguyễn Thị Thanh X (Phó trưởng ban khóm Châu Quới 3 cung cấp): Chị H và anh T chung sống với nhau tại số nhà 9/4, khóm Châu Q, phường Châu P, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang và sanh 02 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 17/9/1994 (Đã trưởng thành) và Nguyễn Thành P, sinh ngày 17/6/2003 hiện cháu P do chị H đang nuôi dạy.

Xét, Nguyễn Thị Tuyết N đã trưởng thành nên không đề cập đến giải quyết.

Riêng cháu Nguyễn Thành P thì chị H có yêu cầu nuôi dạy và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Biên bản ghi lời khai ngày 29/10/2018 tại Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, cháu P có nguyện vọng sống với mẹ (Kim H). Cuộc sống hiện nay của cháu P đã ổn định. Tránh xáo trộn, cháu P không đồng ý sống với cha, nghĩ nên giao cháu P cho chị H nuôi dạy, chị Kim H không yêu cầu anh Thành cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập đến giải quyết.

Chị Đinh Thị Kim H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Trung T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[Về tài sản chung]:

Chị H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, chị H khai vợ chồng chị tạo lập tài sản chung là căn nhà, chị và anh T tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề cập đến giải quyết (Nếu anh T có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác).

[Về án phí]:

Chị Đinh Thị Kim H chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm hoặc phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Nguyễn Trung T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. *[Về quan hệ hôn nhân]:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Kim H;

Chị Đinh Thị Kim H được ly hôn anh Nguyễn Trung T.

2. *[Về con chung]:*

Chị Đinh Thị Kim H tiếp tục nuôi dạy cháu: Nguyễn Thành P, sinh ngày 17/6/2003. Anh Nguyễn Trung T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Đinh Thị Kim H tiếp tục nuôi cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Trung T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. *[Về án phí sơ thẩm]:*

Chị Đinh Thị Kim H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007452 ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; Chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình.

Anh Nguyễn Trung T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Đinh Thị Kim H có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Nguyễn Trung T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kiều Nga